

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/LĐ-ST

Ngày: 07-5-2024

“V/v Tranh chấp đơn phương chấm dứt
hợp đồng lao động và bồi thường thiệt
hại khi chấm dứt hợp đồng lao động”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Hải Yến.

2. Ông Nguyễn Hữu Trực.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Quốc Cường, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Thi, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế xét xử công khai vụ án lao động thụ lý số: 06/2023/TLST-LĐ ngày 20/12/2023 về việc “Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và bồi thường thiệt hại khi chấm dứt hợp đồng lao động”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-LĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Anh Nguyễn Minh T**; sinh năm 1992; địa chỉ: Số G C, phường P, quận G, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Lê Hồng S, địa chỉ: Số E đường H, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế và bà Nguyễn Thị S1, địa chỉ: Số F đường N, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ông S có mặt, bà S1 vắng mặt.

2. Bị đơn: **Công ty TNHH M1**; địa chỉ: Số A đường N, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phùng Tiểu M, chức vụ: Giám đốc, Có mặt trong quá trình xét xử nhưng bỏ về trước khi tuyên án.

3. Người làm chứng: **Bà Lê Thị Ánh V**, sinh năm 1976; địa chỉ: Số H đường P, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Minh T, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Lê Hồng S, bà Nguyễn Thị S1 thống nhất trình bày:

Vào ngày 20/9/2022 anh Nguyễn Minh T có ký kết Hợp đồng lao động số 67/HĐLĐ-MP (Hợp đồng) với Công ty TNHH M1 (Công ty) với chức vụ: Bếp Trưởng, làm việc tại Bộ phận Bếp của khách sạn R tại địa chỉ số A đường N, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Thời hạn là 05 năm kể từ ngày 20/9/2022, tổng thu nhập (lương khoán) là 40.000.000 đồng/tháng (Bốn mươi triệu đồng mỗi tháng). Sau đó mức lương của anh T đã được tăng lên 50.000.000 đồng/tháng (Năm mươi triệu đồng mỗi tháng), mức lương này chỉ là thỏa thuận của anh T với Công ty, không có chỉnh sửa Hợp đồng. Ngày 03/01/2023, Công ty TNHH M1 đã ra Quyết định cho thôi việc số 01/QĐ-MP để đơn phương chấm dứt Hợp đồng với anh T mà không có bất cứ lý do nào hợp lý. Anh T liên tục yêu cầu Công ty giải quyết hợp lệ theo nội quy công ty và quy định của pháp luật nhưng vẫn không nhận được phương án giải quyết thỏa đáng. Anh T đã gửi Đơn khiếu nại lên Liên đoàn Lao động thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế nên L đã có văn bản yêu cầu Công ty TNHH M1 có phương án giải quyết vụ việc hợp đồng lao động của anh T theo quy định pháp luật nhưng Công ty không giải quyết. Anh Nguyễn Minh T nhận thấy việc chấm dứt hợp đồng lao động là không đúng quy định của pháp luật nên anh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Buộc Công ty TNHH M1 thu hồi Quyết định thôi việc trái pháp luật và nhận anh T trở lại làm việc theo Hợp đồng lao động.

- Buộc Công ty TNHH M1 phải bồi thường các khoản tiền:

+ Trả số tiền 20 ngày lương còn thiếu là 33.000.000 đồng và tiền lương từ ngày 03/01/2023 đến ngày 25/10/2023 tạm tính là 200.000.000 đồng.

+ Trả 03 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật theo quy định tại hợp đồng, với số tiền là 120.000.000 đồng.

- Buộc Công ty TNHH M1 giải quyết chế độ bảo hiểm theo quy định pháp luật cho anh T.

Tại bản tự khai ngày 28/2/2024, buổi Hoà giải ngày 19/3/2024 và tại phiên tòa anh Nguyễn Minh T rút một phần yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án đình chỉ các yêu cầu:

- Không yêu cầu Công ty nhận anh T trở lại làm việc theo Hợp đồng lao động vì hiện nay anh T đã làm việc ở nơi khác.

- Không yêu cầu Công ty trả số tiền lương còn thiếu 20 ngày là 33.000.000 đồng.

- Không yêu cầu Công ty giải quyết chế độ bảo hiểm theo quy định pháp luật cho anh T.

Đồng thời, anh T cũng có thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện, cụ thể như sau:

- Buộc Công ty phải bồi thường tiền lương từ ngày 03/01/2023 đến ngày 31/3/2023 là 116.129.032 đồng.

- Buộc Công ty bồi thường do không báo trước 03 tháng với số tiền là 120.000.000 đồng.

Tại phiên Toà, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn yêu cầu thay đổi về nội dung: Buộc Công ty bồi thường do thời gian không báo trước là 45 ngày tương đương số tiền là 60.000.000 đồng.

Tổng số tiền anh T yêu cầu Công ty M P phải bồi thường cho anh là: 116.129.032 đồng + 120.000.000 đồng + 60.000.000 đồng = 296.129.000 đồng.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH M1 - bà Phùng Tiểu M trình bày:

Vào ngày 20/9/2022, Công ty có ký kết Hợp đồng lao động số 67/HĐLD-MP với anh Nguyễn Minh T để anh T làm việc cho Công ty với chức vụ Bếp trưởng, làm việc tại khách sạn R với thời hạn 05 năm kể từ ngày 20/9/2022 với tổng thu nhập (lương khoán) trong Hợp đồng lao động là 40.000.000 đồng/tháng. Do bà M coi trọng việc phát triển nhà hàng nên bà M đã tự nguyện chuyển thêm 10.000.000 đồng/tháng ngoài mức lương 40.000.000 đồng nói trên để thu hút người tài. Vào ngày 03/01/2023, Công ty TNHH M1 đã ra Quyết định 01/QĐ-MP để chấm dứt Hợp đồng lao động với anh T với lý do là: “*Không đáp ứng yêu cầu của Công ty về kỹ năng Quản lý, nghiệp vụ chuyên môn về kỹ năng chế biến món ăn theo yêu cầu*”. Lý do Công ty cho thôi việc không báo trước là vì trong quá trình làm việc với anh T, bà M nhận thấy anh T sẽ làm ảnh hưởng đến khách hàng của Công ty về an toàn vệ sinh thực phẩm cũng như sức khỏe của khách hàng. Bà M cũng muốn giữ một số nhân viên còn lại để phục vụ cho công ty vì anh T còn làm việc là một số nhân viên sẽ xin nghỉ làm. Do ngành nghề đặc thù nên không thể báo trước cho anh T việc cho anh T nghỉ việc. Hơn nữa đây là lần đầu tiên Công ty cho nhân viên nghỉ việc nên bà M không biết về quy trình cho thôi việc.

Tại phiên Toà, bà M thay đổi lời khai và cho rằng trước khi ký Hợp đồng lao động, anh T đã cung cấp các thông tin về bằng cấp, chứng chỉ của mình không đúng

sự thật nên Công ty mới ký hợp đồng lao động với anh T. Đồng thời việc ký kết hợp đồng với thời hạn 05 năm là trái pháp luật về lao động nên bà M mới chủ động ký Quyết định cho thôi việc với anh T chứ không phải lý do thôi việc là do anh T không đáp ứng các yêu cầu về chuyên môn và nghiệp vụ. Bị đơn không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh T vì cho rằng hợp đồng lao động đã ký kết là vô hiệu và anh T không có quyền khởi kiện yêu cầu Công ty bồi thường.

Tại công văn số 139/BHXXH-QLT ngày 28/02/2024 của Bảo hiểm xã hội tỉnh T cung cấp thông tin về hồ sơ bảo hiểm xã hội của người lao động như sau:

Về quá trình tham gia BHXH từ tháng 9/2022 đến nay của anh Nguyễn Minh T:

- Tháng 9 năm 2022: Không tham gia BHXH.
- Tháng 10/2022 đến tháng 12/2022: Bếp trưởng, Công ty TNHH M1. Mức lương tham gia BHXH là 20.000.000 đồng.
- Từ tháng 01/2023 đến tháng 3/2023: Không tham gia BHXH.
- Từ tháng 4/2023 đến tháng 12/2023: Bếp trưởng, Công ty cổ phần N nhà chào buổi sáng. Tham gia BHXH tại BHXH thành phố Thủ Đức với mức lương là 13.091.000 đồng.
- Từ tháng 01/2024 đến nay: Bếp trưởng, Công ty TNHH S2 tại BHXH thành phố Thủ Đức với mức lương là 10.083.000 đồng.

Căn cứ hồ sơ giao dịch điện tử số 00305/2023/046 của Công ty TNHH M1 chuyển nộp, BHXH tỉnh đã tiến hành giảm thu BHXH đối với anh Nguyễn Minh T kể từ tháng 01/2023 theo Quyết định số 01/QĐ-MP ký ngày 03/01/2023.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế có ý kiến:

[1] Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn tự ý bỏ về trước khi Hội đồng xét xử tuyên án là không chấp hành đúng quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào Điều 217, Điều 244, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 35; Điều 36, Điều 41; Điều 42 Bộ luật lao động; Điều 14 Luật Bảo hiểm xã hội 2014; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Điều 5 Hợp đồng lao động số 67/HĐLD-MP ngày 20/9/2022.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện: Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn M1 phải thanh toán các khoản tiền bồi thường cho anh Nguyễn Minh T như sau:
 - Tiền bồi thường thời gian không được làm việc từ ngày 03/01/2023 đến ngày 31/3/2023 với mức lương: 40.000.000đồng/tháng.
 - Tiền bồi thường chấm dứt HĐLĐ trái pháp luật theo quy định tại khoản 1.2 của Hợp đồng lao động số 67/HĐLĐ-MP ngày 20/9/2022 với mức lương: 40.000.000đồng/tháng.
 - Tiền Bồi thường do không báo trước với mức lương: 40.000.000đồng/tháng.
2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:
 - Yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn M1 nhận anh T trở lại làm việc.
 - Yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn M1 trả số tiền lương còn thiếu 20 ngày là 33.000.000 đồng.
 - Yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn M1 giải quyết chế độ bảo hiểm theo quy định pháp luật.
3. Về án phí: Công ty TNHH M1 phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Nguyễn Minh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH M1 thu hồi Quyết định thôi việc trái pháp luật và bồi thường thiệt hại cho anh T, đây là tranh chấp về lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Công ty TNHH M1 có địa chỉ tại thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Huế. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Huế căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a, b khoản 1 Điều 32; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý, giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa người làm chứng là bà Lê Thị Ánh V vắng mặt nhưng trước đó đã có lời khai trực tiếp với Tòa án nên việc vắng mặt của người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Anh Nguyễn Minh T vào làm việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn M1 từ ngày 20/9/2022 theo Hợp đồng lao động số 01/QĐ-MP, thời hạn 05 năm với vị trí là Bếp trưởng, tổng thu nhập (lương khoán) là 40.000.000 đồng. Trong đó mức lương

cơ bản, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác (làm cơ sở thực hiện chế độ BHXH, BHYT, BHTN và các chế độ quyền lợi khác liên quan) là 20.000.000 đồng; tiền thưởng, tiền sáng kiến, tiền ăn giữa ca, tăng ca, các khoản hỗ trợ xăng xe đi lại, hỗ trợ điện thoại, phụ cấp chuyên cần ... là 20.000.000 đồng. Đến ngày 03/01/2023 Công ty TNHH M1 đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với anh Nguyễn Minh T theo Quyết định số 01/QĐ-MP.

3 Xét Hợp đồng lao động số 67/HĐLD-MP vào ngày 20/9/2022 được ký kết giữa anh Nguyễn Minh T và Công ty TNHH M1 là tự nguyện, đảm bảo quy định của pháp luật nên có hiệu lực thi hành đối với các bên. Công ty TNHH M1 cho rằng anh T đã cung cấp các thông tin về bằng cấp, chứng chỉ của mình không đúng sự thật, thời hạn 05 năm được ký kết trong hợp đồng lao động là không đúng quy định của pháp luật nên bị đơn cho rằng hợp đồng lao động này vô hiệu và đã chủ động ký Quyết định cho thôi việc với anh T. Xét việc soạn thảo hợp đồng, quy trình tuyển dụng và những nội dung mà các bên thoả thuận đều do Công ty TNHH M1 chủ động thực hiện, nếu anh T không cung cấp đúng và đủ những yêu cầu của Công ty thì công ty có quyền không ký kết hợp đồng, đồng thời trong Quyết định chấm dứt hợp đồng cũng không thể hiện nội dung là anh T cung cấp không trung thực thông tin của mình. Ngoài ra, thời hạn hợp đồng là 05 năm không thuộc vào điều cấm của pháp luật nên hợp đồng lao động này có hiệu lực.

Xét tính hợp pháp của việc chấm dứt hợp đồng lao động thấy rằng, tại Quyết định về việc cho thôi việc số 01/QĐ-MP ngày 03-01-2023 của Công ty TNHH M1 đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với anh Nguyễn Minh T với lý do “*Không đáp ứng yêu cầu của Công ty về kỹ năng Quản lý, nghiệp vụ chuyên môn về kỹ năng chế biến món ăn theo yêu cầu*”. Tuy nhiên Công ty không đưa ra bất cứ tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho những lý do nêu trên. Đồng thời, Công ty cũng không có căn cứ để xác định anh T thường xuyên không hoàn thành công việc lao động, không có bất kỳ văn bản pháp luật nào thông báo về chấm dứt hợp đồng lao động đối với anh T. Tại phiên tòa, bị đơn cho rằng Hợp đồng lao động đã ký kết là vô hiệu nhưng bị đơn không yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu mà tự ý đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động. Việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với anh T đã vi phạm quy định tại khoản 1, 2 Điều 36 Bộ luật Lao động về trường hợp được đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và về thời hạn báo trước. Vì vậy việc anh T khởi kiện yêu cầu tuyên bố hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của Công ty TNHH M1 trái pháp luật là có căn cứ, cần buộc Công ty TNHH M1 thu hồi Quyết định thôi việc trái pháp luật.

[4] Xét các yêu cầu bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật thấy rằng:

Tại Hợp đồng lao động xác định mức lương cơ bản của anh T là 20.000.000 đồng/tháng, phù hợp với kết quả trả lời của Bảo hiểm xã hội tỉnh T về việc từ tháng 10/2022 đến tháng 12/2022, anh T làm Bếp trưởng của Công ty TNHH M1 với mức lương tham gia BHXH là 20.000.000 đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận mức lương để làm căn cứ bồi thường là 20.000.000 đồng.

Căn cứ vào Điều 41 của Bộ luật lao động thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn M1 có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do chấm dứt hợp đồng trái pháp luật là: Tiền lương cho anh Nguyễn Minh T những ngày anh T không được làm việc (02 tháng 28 ngày) là 58.666.000 đồng; bồi thường 03 tháng tiền lương do chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật theo thỏa thuận tại Điều 5 Hợp đồng lao động là 60.000.000 đồng.

Xét về yêu cầu Công ty M1 bồi thường cho anh T do không báo trước là 45 ngày: Theo quy định tại Điều 20 Bộ luật Lao động 2019, có 02 Loại hợp đồng lao động: Hợp đồng lao động không xác định thời hạn là hợp đồng mà trong đó hai bên không xác định thời hạn, thời điểm chấm dứt hiệu lực của hợp đồng và Hợp đồng lao động xác định thời hạn là hợp đồng mà trong đó hai bên xác định thời hạn, thời điểm chấm dứt hiệu lực của hợp đồng trong thời gian không quá 36 tháng kể từ thời điểm có hiệu lực của hợp đồng. Do Hợp đồng lao động giữa anh T và Công ty TNHH M1 ký kết có thời hạn là 05 năm nên được xác định là Hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Bộ Luật lao động 2019, người sử dụng lao động có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động nhưng phải báo trước cho người lao động ít nhất 45 ngày nếu làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Vì vậy cần buộc Công ty TNHH M1 bồi thường cho anh T 45 ngày tương đương với lương của anh T là 30.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền bồi thường cần chấp nhận là: 58.666.000 đồng + 60.000.000 đồng + 30.000.000 đồng = 148.666.000 đồng.

[5] Nguyên đơn, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

- Không yêu cầu Công ty TNHH M1 nhận anh T trở lại làm việc theo Hợp đồng lao động vì ông đã làm ở nơi khác.

- Không yêu cầu Công ty TNHH M1 Phương trả số tiền lương còn thiếu 20 ngày là 33.000.000 đồng.

- Không yêu cầu Công ty TNHH M1 giải quyết chế độ bảo hiểm theo quy định pháp luật cho anh T.

Xét thấy việc rút những yêu cầu này là tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ đối với các yêu cầu này.

[6] Về án phí: Công ty TNHH M1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật là $148.666.000 \text{ đồng} \times 3\% = 4.459.980 \text{ đồng}$. Anh Nguyễn Minh T là người lao động có yêu cầu khởi kiện về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật nên được miễn án phí lao động sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a, b khoản 1 Điều 32; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 229; Điều 266; Điều 269; Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 20; Điều 36, Điều 41; Điều 42 Bộ luật lao động; Điều 14 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Tuyên bố hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của Công ty Trách nhiệm hữu hạn M1 đối với anh Nguyễn Minh T là trái pháp luật.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện:

- Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn M1 thu hồi Quyết định cho thôi việc số 01/QĐ-MP ngày 03/01/2023.

- Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn M1 phải bồi thường cho anh Nguyễn Minh T tổng số tiền là 148.666.000 đồng (trong đó: 58.666.000 đồng là tiền lương những ngày anh T không được làm việc, 60.000.000 đồng do chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật theo thỏa thuận tại Hợp đồng lao động và 30.000.000 đồng do vi phạm thời gian không báo trước).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn M1 nhận anh T trở lại làm việc.

- Yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn M1 trả số tiền lương còn thiếu 20 ngày là 33.000.000 đồng.

- Yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn M1 giải quyết chế độ bảo hiểm theo quy định pháp luật.

4. Về án phí lao động sơ thẩm: Công ty TNHH M1 phải chịu 4.459.000 đồng.

5. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn tự ý bỏ về không có lý do khi Tòa tuyên án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND TP Huế;
- Chi cục THADS TP Huế;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA;
- Lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thu Hằng